

Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ E-HSDT

Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT

E-HSDT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

1. Có bảo đảm dự thầu¹ không vi phạm một trong các trường hợp quy định tại Mục 18.3 E-CDNT. Thư bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có) với giá trị bảo lãnh, thời hạn có hiệu lực và đơn vị thụ hưởng theo yêu cầu của E-HSMT (đối với bảo lãnh dự thầu điện tử thì phải được ký số). Thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh không được ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT; không được kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại Mẫu số 04A, Mẫu số 04B Chương IV). Đối với bảo lãnh dự thầu hoặc chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy, trường hợp có sự sai khác giữa thông tin về bảo đảm dự thầu mà nhà thầu kê khai trên Hệ thống và thông tin trong file quét (scan) thư bảo lãnh đính kèm thì căn cứ vào thông tin trong file quét (scan) thư bảo lãnh dự thầu để đánh giá. Đối với nhà thầu liên danh, các thành viên liên danh phải sử dụng cùng thể thức bảo lãnh dự thầu: bảo lãnh dự thầu điện tử hoặc bằng giấy.

Đối với gói thầu có giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng, nhà thầu có cam kết trong đơn dự thầu theo quy định tại Mục 18.8 E-CDNT.

2. Trường hợp nhà thầu liên danh thì thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện theo Mẫu số 03 Chương IV. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu theo Mẫu số 12.1 (12.1A hoặc 12.1B hoặc 12.1C) hoặc Mẫu số 12.2 (12.2A hoặc 12.2B hoặc 12.2C), Mẫu số 13 (13A hoặc 13B) Chương IV hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng giá dự thầu, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình sản xuất các hạng mục này.

3. Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 5 E-CDNT.

4. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện

¹ Trường hợp đối với gói thầu áp dụng đấu thầu trước, pháp luật không có yêu cầu nhà thầu thực hiện bảo đảm dự thầu thì bỏ khoản này.

hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu.

5. Không trong trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống.

Nhà thầu có E-HSĐT hợp lệ được xem xét, đánh giá trong bước tiếp theo.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Đối với gói thầu áp dụng chào hàng cạnh tranh, không yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm theo quy định của Mục này nhưng nhà thầu tham dự thầu phải cam kết có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện gói thầu (nội dung về cam kết được thực hiện cùng với đơn dự thầu khi nhà thầu nộp E-HSĐT), trong trường hợp này, nhà thầu không phải cung cấp tài liệu chứng minh năng lực, kinh nghiệm.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

- Sử dụng tiêu chí đạt/ không đạt để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

- E-HSĐT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí đều được đánh giá là đạt.

Stt	Nội dung đánh giá		Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt	Yêu cầu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Tính hợp lệ của hàng hóa	Hàng hóa do nhà thầu chào phải nêu rõ model/ ký mã hiệu (nếu có), nhãn hiệu, phiên bản (nếu có), tên hãng sản xuất, nguồn gốc xuất xứ.	Đạt	Nhà thầu cung cấp Bảng thông tin chi tiết của hàng hóa để chứng minh sự đáp ứng của hàng hóa so với yêu cầu kỹ thuật tại Chương V E-HSMT.
		Không đáp ứng yêu cầu trên.	Không đạt	Nhà thầu cung cấp Catalogue của hàng hóa hoặc tài liệu kỹ thuật khác tương đương do hãng sản xuất/đại diện chính thức của hãng sản xuất tại Việt Nam phát hành hoặc in từ website chính thức của nhà sản xuất/đại diện chính thức
2	Năm sản xuất, đặc tính, thông số, tiêu chuẩn kỹ thuật của hàng hóa	Hàng hóa do nhà thầu cung cấp có năm sản xuất, đặc tính, thông số, tiêu chuẩn kỹ thuật hoàn toàn phù hợp đáp ứng yêu cầu tại Chương V E-HSMT.	Đạt	
		Không đáp ứng yêu cầu trên.	Không đạt	

Stt	Nội dung đánh giá		Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt	Yêu cầu
				<p>của hãng sản xuất tại Việt Nam để chứng minh rằng hàng hóa mà nhà thầu cung cấp đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật theo đúng quy định tại Mục 1.2 Chương V E-HSMT. Với các yêu cầu về thông số, tính năng và công nghệ chi tiết của hàng hóa chào thầu, nếu trong catalogue hoặc tài liệu kỹ thuật của hãng sản xuất không thể hiện rõ ràng hoặc cụ thể thì trong quá trình đánh giá nhà thầu phải làm rõ và cung cấp tài liệu chứng minh phù hợp trong trường hợp cần thiết.</p> <p>Các tài liệu này phải được dịch sang tiếng Việt nếu là tiếng nước ngoài.</p>
3	Giấy tờ chứng minh nguồn gốc xuất xứ, chất lượng hàng hóa	<p>Nhà thầu có cam kết cung cấp đầy đủ tài liệu chứng minh nguồn gốc, xuất xứ, chất lượng của xe khi bàn giao để phục vụ việc đăng ký xe ô tô theo đúng quy định của pháp luật.</p>	Đạt	Nhà thầu có bản cam kết về giấy tờ chứng minh nguồn gốc xuất xứ, chất lượng hàng hóa đáp ứng yêu cầu tại Cột (3) bảng này.
4	Thời gian thực	≤ 10 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.	Đạt	Nhà thầu có đề xuất/bản cam kết về thời gian thực

Stt	Nội dung đánh giá		Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt	Yêu cầu
	hiện gói thầu	Không đáp ứng yêu cầu trên.	Không đạt	hiện gói thầu đáp ứng yêu cầu tại Cột (3) bảng này.
5	Các yêu cầu về bảo hành hàng hóa và dịch vụ sau bán hàng	Nhà thầu có cam kết đáp ứng các yêu cầu về bảo hành và cung cấp dịch vụ sau bán hàng như sau: - Bảo hành theo tiêu chuẩn nhà sản xuất tối thiểu trong thời hạn 3 năm đầu hoặc 100.000 km (tùy theo điều kiện nào đến trước). - Cam kết có đầy đủ linh phụ kiện, vật tư thay thế chính hãng trong thời gian tối thiểu 10 năm từ ngày xe được bàn giao, nghiệm thu đưa vào sử dụng.	Đạt	Nhà thầu có bản cam kết về bảo hành hàng hóa và dịch vụ sau bán hàng đáp ứng yêu cầu tại Cột (3) bảng này.
		Không đáp ứng yêu cầu trên.	Không đạt	
6	Cam kết về hàng hóa	Nhà thầu có cam kết hàng hoá mới 100%, giá chào thầu đã bao gồm các loại thuế, phí (thuế nhập khẩu (nếu có), thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế giá trị gia tăng), chi phí bàn giao, chạy thử, hướng dẫn sử dụng và bảo hành theo tiêu chuẩn nhà sản xuất.	Đạt	Nhà thầu có bản cam kết về hàng hóa đáp ứng yêu cầu tại Cột (3) bảng này.
		Không đáp ứng yêu cầu trên.	Không đạt	
Kết luận: “Đạt” khi đáp ứng tất cả nội dung trên, “Không đạt” khi không đáp ứng một trong các nội dung nêu trên				

Ghi chú: Đối với các nội dung yêu cầu nhà thầu cam kết tại bảng yêu cầu kỹ thuật trên, nếu trong E-HSDT nhà thầu nộp, không có hoặc không nhắc đến

nội dung cam kết đó, trong quá trình đánh giá E-HSDT Chủ đầu tư sẽ yêu cầu nhà thầu làm rõ. Trường hợp sau khi có yêu cầu làm rõ, nhà thầu vẫn không cam kết hoặc cam kết không đúng nội dung đã yêu cầu tại E-HSMT, thì nhà thầu sẽ được đánh giá là “Không đạt” ở các tiêu chí trên.

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính: Phương pháp giá thấp nhất.

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu, giá dự thầu sau giảm giá (nếu có);

Bước 2. Xác định giá trị ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 28 E-CDNT;

Bước 3. Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Mục 5. Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT

Không được phép.

Mục 6. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập

Trường hợp gói thầu được chia thành nhiều phần độc lập thì trong E-HSMT phải nêu rõ tiêu chuẩn và phương pháp đánh giá đối với từng phần hoặc nhiều phần để các nhà thầu tính toán phương án chào thầu theo khả năng của mình. Việc đánh giá E-HSDT và xét duyệt trúng thầu sẽ được thực hiện trên cơ sở bảo đảm tổng giá đề nghị trúng thầu của gói thầu là thấp nhất (đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá thấp nhất); tổng giá đánh giá của gói thầu là thấp nhất (đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá đánh giá) và giá đề nghị trúng thầu của cả gói thầu không vượt giá gói thầu được duyệt mà không so sánh với ước tính chi phí của từng phần.